

**GIẤY ĐĂNG KÝ THÔNG TIN MỞ TÀI KHOẢN VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TỔ CHỨC
KIỂM THOẢ THUẬN MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN**
(APPLICATION FOR OPENING CORPORATE ACCOUNT AND REGISTRATION OF SERVICES
AND AGREEMENT TO OPENING AND USING CHECKING ACCOUNT)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Kiên Long CN/PGD:..... To: KienlongBank Branch/Transaction office		Mã KH:..... Customer code
I. THÔNG TIN TỔ CHỨC/CORPORATE'S INFORMATION		
1. Tên tổ chức*/Corporate's name:		
Tên tiếng Anh*/English name:		
Tên viết tắt*/Abbreviation: ☐ Người cư trú* Resident ☐ Người không cư trú* Non-resident		
2. Địa chỉ trụ sở chính*/Register address:..... MS thuế*:..... Địa chỉ giao dịch*/Trading address:..... Tax code		
Điện thoại*/Phone No.: Fax*:..... Email:		
3. QĐ thành lập/Giấy CN ĐKDN số*:..... Ngày cấp*:..... Nơi cấp*:..... Establishment Decision/Business Registration Certificate No. Date of issue Place of issue		
4. Loại hình DN*:..... Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh*:..... Type of business Field of business		
5. Số định danh của tổ chức (nếu có)*/ID No (if any).....		
6. Tên công ty mẹ (nếu có)/Holding company's name (If any):		
Loại hình DN:..... ☐ Người cư trú/Resident ☐ Người không cư trú/Non-resident Type of business		
7. Cổ đông nắm giữ trực tiếp/gián tiếp trên 10% cổ phần*/Any person who owns directly/indirectly more than 10% of the entity's shares		
- Có quốc tịch Mỹ/US Citizenship: ☐ Có/Yes ¹ ☐ Không/No - Có thẻ xanh Mỹ/US green card: ☐ Có/Yes ¹ ☐ Không/No		
- Có cư trú tại Mỹ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong 3 năm bao gồm năm hiện tại và 2 năm trước đó/ Resident alien who has been in the US for at least 31 days during the current year and 183 days during the 3 years period that includes the current year and the 2 preceding years: ☐ Có/Yes ¹ ☐ Không/No		
8. Thông tin về tuân thủ FATCA*/Information for FATCA compliance		
Vui lòng xác nhận thông tin bằng cách điền vào ☐ thích hợp		
Mẫu W-9 theo đường link sau : https://www.irs.gov/pub/irs-pdf/fw9.pdf		
Mẫu W-8BEN-E theo đường link sau : https://www.irs.gov/pub/irs-pdf/fw8bene.pdf		
Nội dung kê khai/Declaration content	Chủ tài khoản/ Account holder	Diễn giải/Expression
1. Khách hàng là Tổ chức được thành lập tại Hoa Kỳ hoặc theo pháp luật Hoa Kỳ hoặc theo bất kỳ Bang nào của Hoa Kỳ?/Is the corporate established in US or at any State in US?	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, Điền mẫu W-9 If Yes, fill in form W-9
2. Khách hàng là Chủ sở hữu hưởng lợi miễn trừ theo quy định của FATCA (Tổ chức chính phủ, tổ chức quốc tế, Ngân hàng trung ương phát hành...)?/Is the Customer a Beneficiary Owner exempted under FATCA regulations (Government organization, international organization, Central Bank...)?	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, vui lòng lựa chọn thông tin sau/If Yes, choose the following: ☐ Trạng thái miễn trừ hoặc Exemptionor... ☐ Điền Mẫu W-8BEN-E Fill in form W-8BEN-E

¹ Tổ chức khai thêm thông tin tại Phụ lục Thông tin cổ đông

* Thông tin bắt buộc



3. Khách hàng là Tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ theo quy định của FATCA? <i>Is the customer a Non-US Financial corporate to FATCA?</i>	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, vui lòng lựa chọn thông tin sau! <i>If Yes, choose the following:</i> ☐ Tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ được IRS cấp Mã GIIN và tình trạng tuân thủ FATCA/ Non-US Financial corporate is granted GIIN and FATCA compliance. ☐ Tổ chức tài chính Việt Nam hoặc Tổ chức tài chính thuộc các quốc gia tuân thủ IGA (không bị xếp vào nhóm không tuân thủ theo quy định của IGA) <i>Vietnamese Financial Institution or Financial Institution in IGA compliant countries (not classified as non-compliant under IGA)</i> ☐ Tổ chức tài chính ấn định tuân thủ được đăng ký <i>Registered Financial Institution with Compliance Designation</i> ☐ Tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ ấn định tuân thủ được chứng thực <i>Designated Non-US Financial Institution Designated Compliance</i> ☐ Trạng thái miễn trừ, hoặc <i>Exemptionor...</i> ☐ Điền Mẫu W-8BEN-E <i>Fill in W-8BEN-E form</i> ☐ Tổ chức tài chính nước ngoài không tuân thủ <i>Non-Participating FFI</i>
4. Khách hàng là Tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ? <i>Is the customer a non-US non-financial corporate to FATCA?</i>	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, vui lòng lựa chọn thông tin sau! <i>If Yes, choose the following:</i> ☐ Không có Người kiểm soát(1) là Đối tượng Hoa Kỳ <i>No supervisor is US citizen .</i> ☐ Có Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ. Vui lòng điền mẫu W-8BEN-E <i>Supervisor is US citizen: fill in the form W-8BEN-E</i> (1) là thể nhân thực hiện kiểm soát/ chi phối đối với một tổ chức <i>(1) is an individual who can control a corporate</i> - Đối với khoản tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là một người ủy thác, người được ủy thác, người giám hộ (nếu có), người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, và bất kỳ thể nhân nào khác nắm quyền kiểm soát cuối cùng đối với khoản tín thác đó <i>For a trust: the term above means a trustor, trustee, guardian (if any), beneficiary or group of beneficiaries, and any other natural person who has ultimate control over the trust.</i> - Đối với các hình thức tổ chức pháp lý khác với khoản tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là những người có vai trò/vị trí tương đương <i>For legal entities other than trusts: the term above means persons in equivalent roles/positions.</i>
9. Chủ tài khoản có Chủ sở hữu hưởng lợi khác ngoài người đại diện hợp pháp không? ☐ Có ☐ Không <i>Does account holder have other beneficiaries other than the legal representative?</i> Yes No Nếu chọn "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Tờ khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi do KienlongBank cung cấp (BM-KT-17F) <i>If "Yes", please provide information in the declaration form about Beneficiary owner's information from Kienlongbank (BM-KT-17F)</i>		
10. Chủ tài khoản có tham gia (các) Thỏa thuận pháp lý không? ☐ Có ☐ Không <i>Does account holder involved in any legal arrangements?</i> Yes No Nếu chọn "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Thông tin KH tham gia thỏa thuận pháp lý do KienlongBank cung cấp (BM-PCRT-01) <i>If "Yes", please provide information in the declaration form about Legal arrangements information from Kienlongbank (BM-PCRT-01)</i>		
Các tờ khai Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi hoặc/và Tờ khai thông tin KH tham gia thỏa thuận pháp lý là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận này <i>The Beneficiary Owner's Information Forms and/or Customer Legal Agreement Information Forms are an integral part of this Agreement.</i>		
11. Mục đích và bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với KienlongBank* <i>Purpose of the customer's business relationship with KienlongBank</i> ☐ Thanh toán/payment ☐ Nhận lương/Receive salary ☐ Vay vốn/Lending ☐ Khác (vui lòng ghi rõ)/Other (specify more).....		
II. NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ TÀI KHOẢN/LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION:		
II.1 THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION - LEGAL REPRESENTATIVE		
1. Họ, tên*/Full name: Ngày sinh*: ☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female Date of birth		

2. Quốc tịch*/Nationality: và/and: ☐ Người cư trú*/Resident ☐ Người không cư trú*/Non-resident

3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information

3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality

Số CMND²/CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:.....

Ngày cấp:
Date of issue

Nơi cấp:
Place of issue

Ngày hết hạn:
Date of expiry

3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:

Ngày cấp:
Date of issue

Nơi cấp:
Place of issue

Ngày hết hạn:
Date of expiry

4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam):

5. Thông tin địa chỉ*/Address information

5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address

☐ Khác /Other

5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:.....

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1st nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2nd nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:.....

6. ĐT di động*/Mobile phone No.: Email:

7. Nghề nghiệp*: ☐ Công chức ☐ Tự doanh ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác:
Occupation Government officer Business Owner Office staff Other

8. Chức vụ*/Position: Nơi công tác/Employer: MST/Tax code

II.2 THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN/LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION - AUTHORIZED REPRESENTATIVE

1. Họ, tên*/Full name: Ngày sinh*: ☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female
Date of birth

2. Quốc tịch*/Nationality: và/and: ☐ Cư trú*/Resident ☐ Không cư trú*/Non-resident

3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information

3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality

Số CMND²/CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:.....

Ngày cấp:
Date of issue

Nơi cấp:
Place of issue

Ngày hết hạn:
Date of expiry

3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:

Ngày cấp:
Date of issue

Nơi cấp:
Place of issue

Ngày hết hạn:
Date of expiry

² Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam).....

5. Thông tin địa chỉ*/Address information

5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address

☐ Khác/Other

5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1st nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2nd nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:

6. ĐT di động*/Mobile phone No.: Email:

7. Nghề nghiệp*: ☐ Công chức ☐ Tự doanh ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác:
Occupation Government officer Business Owner Office staff Other

8. Chức vụ*/Position: Nơi công tác/Employer: MST/Tax code

9. Phạm vi đại diện theo văn bản UQ số*: ngày của
Representation according to document number dated

III. THÔNG TIN NGƯỜI THÀNH LẬP*/FOUNDER INFORMATION

1. Họ, tên*/Full name: Ngày sinh*: ☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female
Date of birth

2. Quốc tịch*/Nationality..... và/and..... ☐ Người cư trú*/Resident ☐ Người không cư trú*/Non-resident

3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information

3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality

Số CMND²/CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate

Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
Date of issue Place of issue Date of expiry

3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:

Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
Date of issue Place of issue Date of expiry

4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam):

5. Thông tin địa chỉ*/Address information

5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address

☐ Khác /Other

5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1st nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2nd nationality:

² Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:						
6. ĐT di động*/Mobile phone No.:		Email:				
7. Nghề nghiệp*: Occupation	☐ Công chức Government officer	☐ Tự doanh Business Owner	☐ Nhân viên văn phòng Office staff	☐ Khác:		
8. Chức vụ*/Position:		Nơi công tác/Employer:		MST/Tax code		
IV. THÔNG TIN CỦA/INFORMATION OF: ☐ Kế toán trưởng/Chief Accountant ☐ Phụ trách kế toán/Person in Charge of Accounting						
1. Họ, tên*/Full name:		Ngày sinh*:		☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female		
2. Quốc tịch*/Nationality:		và/and:		☐ Người cư trú*/Resident ☐ Người không cư trú*/Non-resident		
3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information						
3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality						
Số CMND ² /CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:						
Ngày cấp:	Nơi cấp:	Ngày hết hạn:				
Date of issue	Place of issue	Date of expiry				
3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities						
Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:						
Ngày cấp:	Nơi cấp:	Ngày hết hạn:				
Date of issue	Place of issue	Date of expiry				
4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam):						
5. Thông tin địa chỉ*/Address information						
5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen						
Địa chỉ thường trú/Permanent address:						
Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address						
☐ Khác/Other						
5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities						
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:						
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1 st nationality:						
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2 nd nationality:						
Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:						
6. ĐT di động*/Mobile phone No.:		Email:				
7. Nghề nghiệp*: Occupation	☐ Công chức Government officer	☐ Tự doanh Business Owner	☐ Nhân viên văn phòng Office staff	☐ Khác:		
8. Chức vụ*/Position:		Nơi công tác/Employer:		MST/Tax code		
V. THÔNG TIN TÀI KHOẢN/ACCOUNT INFORMATION						
1. Loại tài khoản/ Type of account:	☐ Tiền gửi thanh toán Checking account				☐ Tiền gửi/ Term Deposit account	☐ Khác/Other:
2. Tên tài khoản thanh toán Checking account name						
3. Loại tiền/Type of currency:	☐ VND		☐ USD	☐ EUR	☐ Khác/Other:	

² Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

4. Nhận sổ phụ TK: <i>A/c statement receiving</i> ☐ Có đăng ký/Register ☐ Không đăng ký/No Register		☐ Tại NH/At KienlongBank, CN/PGD: ☐ Qua Email/By Email: ☐ Gửi bưu điện/By post office:	
5. Chu kỳ nhận sổ phụ TK <i>Period of receiving A/c statement:</i>		☐ 10 ngày/Every 10 days	☐ Hàng tháng/Monthly
☐ Khác/Other:			
VI. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ/ E-BANKING SERVICES APPLICATION INFORMATION			
☐ SMS Banking		Số ĐTDĐ/Tel. No: Ông/Bà/Mr/Ms: Chức vụ/Postion: Theo văn bản Ủy quyền số/According to Authorization Document No.:	
☐ Internet Banking		Gói dịch vụ/Service Package: ☐ SIMPLE ☐ KLB-PLATINUM ☐ KLB-SILVER ☐ KLB-VIP ☐ KLB-GOLD ☐ KLB-PREMIER Xác thực bằng OTP qua người duyệt lệnh/Authentication by OTP via order reviewer ☐ SMS tới số ĐTDĐ ☐ OTP Hard Token	
Thông tin liên quan áp dụng cho dịch vụ Internet Banking/ Related information applies to Internet Banking service:			
Thông tin người duyệt lệnh 1: Ông/Bà: Quốc tịch/Nationality: ☐ Việt Nam ☐ Khác: <i>Approver's information: Mr/Ms:</i> Chức vụ/Position: Điện thoại di động/Mobile phone No: Email: Ngày sinh/Date of birth: Nơi sinh/Place of birth: CMND²/CCCD/Thẻ CC/HC/ID/PP No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of Issue:			
Thông tin người duyệt lệnh 2: Ông/Bà: Quốc tịch/Nationality: ☐ Việt Nam ☐ Khác: <i>Approver's information: Mr/Ms:</i> Chức vụ/Position: Điện thoại di động/Mobile phone No: Email: Ngày sinh/Date of birth: Nơi sinh/Place of birth: CMND²/CCCD/Thẻ CC/HC/ID/PP No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of Issue:			
Thông tin người tạo lệnh: Ông/Bà: Quốc tịch/Nationality: ☐ Việt Nam ☐ Khác: <i>Maker's information: Mr/Ms:</i> Chức vụ/Position: Điện thoại di động/Mobile phone No: Email: Ngày sinh/Date of birth: Nơi sinh/Place of birth: CMND²/CCCD/Thẻ CC/HC/ID/PP No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of Issue:			
Giao dịch trên tài khoản: <i>Deal on account</i> Ghi chú: ⁽³⁾ Chỉ xem thông tin/Only viewing)		☐ Tài khoản thanh toán <i>Checking account</i>	☐ TK Tiền gửi có kỳ hạn ⁽³⁾ <i>Term Deposit account</i>
☐ TK tiền vay ⁽³⁾ <i>Lending account</i>			
Đăng ký nhận thông báo mới từ Ngân hàng qua/Receiving new notifications from the KienlongBank by: ☐ Email đã đăng ký ở phần thông tin tổ chức (Registered email at Corporate's Information) ☐ Số điện thoại đã đăng ký ở phần thông tin tổ chức (Registered mobile phone at Corporate's Information)			
VII. HỒ SƠ ĐÍNH KÈM/ENCLOSED DOCUMENTS (Bản sao giấy tờ/Copy of documents)			
☐ Quyết định thành lập/Establishment Decision ☐ Giấy CN ĐKDN/Business Registration Certificate ☐ Giấy CN đăng ký thuế/Tax Registration Certificate ☐ Giấy ủy quyền/Authorization letter		☐ QĐ bổ nhiệm Chủ TK/Account Holder Appointment Decision ☐ QĐ bổ nhiệm KTT/Chief Accountant Appointment Decision ☐ CMND/CCCD/Thẻ CC/Giấy chứng nhận CC/HC của các thành viên liên quan/ID/PP of related members ☐ Giấy tờ khác/Other documents:	

² Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024



VIII. MẪU DẤU VÀ CHỮ KÝ/SPECIMEN SIGNATURE AND SEAL			
HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ/Name and position	CCCD/HC/ID/passport	CHỮ KÝ 1/Signature 1	CHỮ KÝ 2/Signature 2
1.1 Người ĐDHP thứ 1/The 1 st legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:.....		
1.2 Người ĐDHP thứ 2/The 2 nd legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:.....		
1.3 Người ĐDHP thứ 3/The 3 rd legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:.....		
2.1 ☐ Kế toán trưởng/Chief Accountant ☐ Phụ trách kế toán Person in charge of accounting Họ tên/Full name:	Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:.....		
2.2 Người được ủy quyền/Authorized person: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:.....		
2.3 Người được ủy quyền/Authorized person: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:.....		
MẪU DẤU SPECIMEN SEAL			
IX. CAM KẾT SỬ DỤNG CON DẤU/COMMITMENT TO USE SEAL			
1. Mẫu dấu của Tổ chức đã đăng ký với KienlongBank có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Tổ chức/The Corporate's seal sample registered with KienlongBank has a form and content in accordance with the provisions of the Charter and internal documents of the Organization. 2. Đảm bảo tính trung thực, hợp pháp, hợp lệ của mẫu dấu đã đăng ký với KienlongBank và chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý đối với mẫu dấu này/Ensure the honesty, legality and validity of the seal sample registered at KienlongBank and take full legal responsibility for this seal sample. 3. Trường hợp con dấu bị lạm dụng, bị làm giả, Tổ chức cam kết chịu trách nhiệm toàn bộ về các rủi ro phát sinh liên quan đến con dấu/In case the seal is abused or counterfeited, the Corporate commits to take full responsibility for any risks arising from the seal; 4. Miễn trừ trách nhiệm cho KienlongBank khi thực hiện các giao dịch tài khoản theo mẫu dấu Tổ chức trên các chứng từ giao dịch của Tổ chức với KienlongBank/Exempt KienlongBank from liability when performing account transactions according to the Organization's seal sample on the Organization's transaction documents with KienlongBank. 5. Khách hàng sẽ thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thông tin mẫu dấu trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về hình thức, nội dung của con dấu (nếu có) theo quy định của KienlongBank trong từng thời kỳ/The Customer will carry out the procedure for registering changes to the seal sample information in case of any changes in the form or content of the seal (if any) according to KienlongBank's regulations from time to time. 6. KienlongBank được quyền tạm ngừng giao dịch của Tổ chức trong trường hợp có bất cứ vi phạm, lạm dụng hoặc giả mạo nào đối với mẫu dấu đã đăng ký/KienlongBank has the right to suspend the Organization's transactions in case of any violation, abuse or forgery of the registered seal sample.			
X. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG ICUSTOMER 'S CONFIRMATION			
1. Chúng tôi cam đoan rằng mọi thông tin cung cấp trên Giấy đăng ký thông tin mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tổ chức kiêm Thỏa thuận mở và sử dụng TKTT (“Thỏa thuận”) là đúng sự thật, chính xác và là những thông tin cập nhật tới thời điểm ký Thỏa thuận này. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các tài liệu, thông tin, dữ liệu đã cung cấp và kê khai tại Thỏa thuận này. Chúng tôi			

hiểu và đồng ý rằng KienlongBank có thể yêu cầu thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác thực các thông tin mà chúng tôi xác nhận trên đây, thay mặt chúng tôi cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật/We commit that the information at the Application for opening corporate account and registration of services and agreement to opening and using checking account (referred to as "Agreement") is true, exact and update up to the date of signing this Agreement. We are committed to fully responsible for documents, information we provide. We understand and agree that KienlongBank may request more documents, information, data to verify the information that we confirm above. KienlongBank can on behalf of us providing documents, information, data for competent State agencies in accordance with the law.

2. Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng tài khoản theo quy định của KienlongBank và pháp luật, thanh toán đầy đủ các khoản phí liên quan/We are committed to be responsible for managing and using accounts in accordance with Kienlongbank and the law, paying all the relevant fees
3. Chúng tôi xác nhận rằng: Đã đọc, hiểu rõ, chấp thuận và đồng ý rằng sẽ tuân theo Điều kiện, Điều khoản mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại KienlongBank, Điều kiện, Điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân ("Điều kiện và Điều khoản") được công bố trên website www.kienlongbank.com và có hiệu lực tại thời điểm chúng tôi ký Thỏa thuận này, là một phần không tách rời của Thỏa thuận này, tạo thành một Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa chúng tôi và KienlongBank và có hiệu lực kể từ ngày được KienlongBank xác nhận dưới đây. Chúng tôi xác nhận đồng ý rằng KienlongBank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều kiện và Điều khoản này tại bất kỳ thời điểm nào và thực hiện thông báo cho chúng tôi theo cách mà KienlongBank cho là phù hợp. Các sửa đổi, bổ sung sẽ có giá trị ràng buộc chúng tôi nếu chúng tôi tiếp tục sử dụng dịch vụ theo Thỏa thuận này sau thời điểm việc sửa đổi, bổ sung có hiệu lực/ We confirm that we have read, understood, accepted and agreed to comply with the Terms and Conditions for opening and using checking account at KienlongBank, the Terms and Conditions on personal data protection ("Terms and Conditions") published on the website www.kienlongbank.com and effective at the time we sign this Agreement. It is an inseperate part of this Agreement, forming an Agreement for opening and using checking account between us and KienlongBank and effective from the date confirmed by KienlongBank below. We confirm that KienlongBank has the right to amend and supplement these conditions and terms at any time and make notifications to us in a way that Kienlongbank considers is appropriate. The amendments and supplements will have binding value between the parties if we continue to use the service under this agreement after the time of amendment and supplement to effect
4. Chúng tôi xác nhận các Giấy đăng ký dịch vụ theo yêu cầu của chúng tôi tại Đơn này là do chính chúng tôi yêu cầu và tạo lập, là một phần đính kèm, không tách rời của Thỏa thuận này, có giá trị pháp lý ràng buộc chúng tôi. Việc chúng tôi ký, đóng dấu xác nhận trên Thỏa thuận này được hiểu chúng tôi đã đọc và đồng ý với toàn bộ các nội dung xác nhận của chúng tôi tại các Giấy đăng ký dịch vụ đính kèm Thỏa thuận này/We confirm that the Service Registration Forms requested by us in this Application are requested and created by us, are an attached part, inseparable from this Agreement, and have legal value binding on us. Our signing and stamping on this Agreement means that we have read and agreed to all the contents of our Confirmation in the Service Registration Forms attached to this Agreement.
5. Chúng tôi ủy quyền cho KienlongBank thu các loại phí liên quan đến tài khoản bằng việc trích nợ tài khoản dưới đây/We authorize KienlongBank to collect fees related to the account by debiting the following account:
☐ Tài khoản thanh toán được mở theo Thỏa thuận này/Checking account is opened under this Agreement.
☐ Tài khoản thanh toán số.....của Chúng tôi mở tại...../Our cheking account No.....opened at.....
6. _____ (KH ký/Singed). Đã nhận OTP Hard Token số: Tình trạng: Mới 100%, hoạt động tốt.
Received OTP Hard Token Number: Status: 100% new, works fine.

Ngày/Date tháng/month năm/year.....
Người đại diện hợp pháp/Legal representative
(Ký tên, họ tên, đóng dấu/Sign, full name and seal)

XI. PHẦN DÀNH CHO KIENLOGBANK/ FOR KIENLOGBANK USE ONLY

- ☐ Đồng ý mở tài khoản/Approval to open an account:
- Tên tài khoản thanh toán (giống mục V.2)/Name of checking account (same as V.2)
- Số tài khoản/Account No.: Số tài khoản/Account No.:
- ☐ Chấp thuận cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo các thông tin đã đăng ký/Approval to provide customer's registered service.
- ☐ Cấp OTP Hard Token/Grant OTP Hard Token:.....cho User/for Customer
Tên người giới thiệu/Referrer:Mã số người giới thiệu/Referrer code:
Mã chương trình Marketing (nếu có)/Marketing program code:

Ngày hiệu lực/Effective date: / /
Giao dịch viên/Teller Nhân viên tiếp nhận/Transaction staff Kiểm soát/Supervisor Phê duyệt/Approver